

CHINT | **Next**
CHINT ELECTRIC series

The Next Reliable Choice

BẢNG GIÁ 2026



ACB | MCB | MCCB | Contactor | Switch | Relay

NXB-63 CẦU DAO TỰ ĐỘNG LOẠI NHỎ (MCB)

- * Dòng điện định mức: 6A - 63A;
- * Tần số: 50/60Hz;
- * Đặc tính đường cong: B, C, D;
- * Bảo vệ quá tải, ngắn mạch;
- * Phù hợp tiêu chuẩn: IEC60898-1;

Hình ảnh	Số cực	In	Icn	Mã hàng	Đơn giá
	1P	1A	6kA	NXB-63 1P C1 6kA	186,840
	1P	2A	6kA	NXB-63 1P C2 6kA	186,840
	1P	3A	6kA	NXB-63 1P C3 6kA	186,840
	1P	4A	6kA	NXB-63 1P C4 6kA	186,840
	1P	6A	6kA	NXB-63 1P C6 6kA	92,880
	1P	10A	6kA	NXB-63 1P C10 6kA	92,880
	1P	16A	6kA	NXB-63 1P C16 6kA	92,880
	1P	20A	6kA	NXB-63 1P C20 6kA	92,880
	1P	25A	6kA	NXB-63 1P C25 6kA	92,880
	1P	32A	6kA	NXB-63 1P C32 6kA	99,360
	1P	40A	6kA	NXB-63 1P C40 6kA	99,360
	1P	50A	6kA	NXB-63 1P C50 6kA	112,320
	1P	63A	6kA	NXB-63 1P C63 6kA	112,320
	2P	1A	6kA	NXB-63 2P C1 6kA	351,000
	2P	2A	6kA	NXB-63 2P C2 6kA	351,000
	2P	3A	6kA	NXB-63 2P C3 6kA	351,000
	2P	4A	6kA	NXB-63 2P C4 6kA	351,000
	2P	6A	6kA	NXB-63 2P C6 6kA	176,040
	2P	10A	6kA	NXB-63 2P C10 6kA	176,040
	2P	16A	6kA	NXB-63 2P C16 6kA	176,040
	2P	20A	6kA	NXB-63 2P C20 6kA	180,360
	2P	25A	6kA	NXB-63 2P C25 6kA	180,360
	2P	32A	6kA	NXB-63 2P C32 6kA	190,080
	2P	40A	6kA	NXB-63 2P C40 6kA	190,080
	2P	50A	6kA	NXB-63 2P C50 6kA	205,200
	2P	63A	6kA	NXB-63 2P C63 6kA	205,200
	3P	1A	6kA	NXB-63 3P C1 6kA	514,080
	3P	2A	6kA	NXB-63 3P C2 6kA	514,080
	3P	3A	6kA	NXB-63 3P C3 6kA	514,080
	3P	4A	6kA	NXB-63 3P C4 6kA	514,080
	3P	6A	6kA	NXB-63 3P C6 6kA	257,040
	3P	10A	6kA	NXB-63 3P C10 6kA	257,040
	3P	16A	6kA	NXB-63 3P C16 6kA	257,040
	3P	20A	6kA	NXB-63 3P C20 6kA	264,600
	3P	25A	6kA	NXB-63 3P C25 6kA	263,520
	3P	32A	6kA	NXB-63 3P C32 6kA	282,960
	3P	40A	6kA	NXB-63 3P C40 6kA	282,960
	3P	50A	6kA	NXB-63 3P C50 6kA	293,760
	3P	63A	6kA	NXB-63 3P C63 6kA	329,400
	4P	1A	6kA	NXB-63 4P C1 6kA	656,640
	4P	2A	6kA	NXB-63 4P C2 6kA	656,640
	4P	3A	6kA	NXB-63 4P C3 6kA	656,640
	4P	4A	6kA	NXB-63 4P C4 6kA	656,640
	4P	6A	6kA	NXB-63 4P C6 6kA	339,120
	4P	10A	6kA	NXB-63 4P C10 6kA	341,280
	4P	16A	6kA	NXB-63 4P C16 6kA	341,280
	4P	20A	6kA	NXB-63 4P C20 6kA	352,080
	4P	25A	6kA	NXB-63 4P C25 6kA	352,080
	4P	32A	6kA	NXB-63 4P C32 6kA	382,320
	4P	40A	6kA	NXB-63 4P C40 6kA	382,320
	4P	50A	6kA	NXB-63 4P C50 6kA	396,360
	4P	63A	6kA	NXB-63 4P C63 6kA	447,120

NXB-125 CẦU DAO TỰ ĐỘNG LOẠI NHỎ (MCB)

* Dòng điện định mức: 63A - 125A;

* Tần số: 50/60Hz;

* Đặc tính đường cong: B, C, D;

* Bảo vệ quá tải, ngắn mạch;

* Phù hợp tiêu chuẩn: IEC60947-2;

Hình ảnh	Số cực	In	Icn	Mã hàng	Đơn giá
	1P	63A	10kA	NXB-63 1P C1 6kA	186,840
	1P	80A	10kA	NXB-125 1P C80	196,560
	1P	100A	10kA	NXB-125 1P C100	196,560
	1P	125A	10kA	NXB-125 1P C125	228,960
	2P	63A	10kA	NXB-125 2P C63	393,120
	2P	80A	10kA	NXB-125 2P C80	393,120
	2P	100A	10kA	NXB-125 2P C100	393,120
	2P	125A	10kA	NXB-125 2P C125	468,720
	3P	63A	10kA	NXB-125 3P C63	591,840
	3P	80A	10kA	NXB-125 3P C80	591,840
	3P	100A	10kA	NXB-125 3P C100	591,840
	3P	125A	10kA	NXB-125 3P C125	695,520
	4P	63A	10kA	NXB-125 4P C63	786,240
	4P	80A	10kA	NXB-125 4P C80	786,240
	4P	100A	10kA	NXB-125 4P C100	786,240
	4P	125A	10kA	NXB-125 4P C125	923,400

NXBLE-32/63 Cầu dao chống dòng rò kết hợp bảo vệ quá tải, ngắn mạch 6-63A

- * Dòng định mức: 6A - 63A;
- * Tần số: 50/60Hz;
- * Đặc tính đường cong: C
- * Bảo vệ quá tải, chống giật và chống dòng rò;
- * Phù hợp tiêu chuẩn: IEC61009-1;

Hình ảnh	Số cực	In	Icn		Mã hàng	Đơn giá
	1P+N	6A	6kA	30mA	NXBLE-32 1P+N C6 30mA 6kA	387,720
	1P+N	10A	6kA	30mA	NXBLE-32 1P+N C10 30mA 6kA	387,720
	1P+N	16A	6kA	30mA	NXBLE-32 1P+N C16 30mA 6kA	387,720
	1P+N	20A	6kA	30mA	NXBLE-32 1P+N C20 30mA 6kA	387,720
	1P+N	32A	6kA	30mA	NXBLE-32 1P+N C32 30mA 6kA	387,720
	1P+N	40A	6kA	30mA	NXBLE-63 1P+N C40 30mA 6kA	569,160
	1P+N	50A	6kA	30mA	NXBLE-63 1P+N C50 30mA 6kA	569,160
	1P+N	63A	6kA	30mA	NXBLE-63 1P+N C63 30mA 6kA	569,160
	3P+N	6A	6kA	30mA	NXBLE-32 3P+N C6 30mA 6kA	805,680
	3P+N	10A	6kA	30mA	NXBLE-32 3P+N C10 30mA 6kA	805,680
	3P+N	16A	6kA	30mA	NXBLE-32 3P+N C16 30mA 6kA	805,680
	3P+N	20A	6kA	30mA	NXBLE-32 3P+N C20 30mA 6kA	805,680
	3P+N	32A	6kA	30mA	NXBLE-32 3P+N C32 30mA 6kA	805,680
	3P+N	40A	6kA	30mA	NXBLE-63 3P+N C40 30mA 6kA	1,011,960
	3P+N	50A	6kA	30mA	NXBLE-63 3P+N C50 30mA 6kA	1,011,960
	3P+N	63A	6kA	30mA	NXBLE-63 3P+N C63 30mA 6kA	1,011,960

NXBLE-63Y Cầu dao chống dòng rò kết hợp bảo vệ quá tải, ngắn mạch 6-63A

- * Dòng định mức: 6A - 63A;
- * Tần số: 50/60Hz;
- * Đặc tính đường cong: C
- * Bảo vệ quá tải, chống giật và chống dòng rò;
- * Phù hợp tiêu chuẩn: IEC61009-1;

Hình ảnh	Số cực	In	Icn		Mã hàng	Đơn giá
	1P+N	6A	6kA	30mA	NXBLE-63Y 1P+N C6 0.03A 4.5kA	646,920
	1P+N	10A	6kA	30mA	NXBLE-63Y 1P+N C10 0.03A 4.5kA	646,920
	1P+N	16A	6kA	30mA	NXBLE-63Y 1P+N C16 0.03A 4.5kA	646,920
	1P+N	20A	6kA	30mA	NXBLE-63Y 1P+N C20 0.03A 4.5kA	646,920
	1P+N	25A	6kA	30mA	NXBLE-63Y 1P+N C25 0.03A 4.5kA	646,920
	1P+N	32A	6kA	30mA	NXBLE-63Y 1P+N C32 0.03A 4.5kA	646,920
	1P+N	40A	6kA	30mA	NXBLE-63Y 1P+N C40 0.03A 4.5kA	646,920
	1P+N	50A	6kA	30mA	NXBLE-63Y 1P+N C50 0.03A 4.5kA	687,960
	1P+N	63A	6kA	30mA	NXBLE-63Y 1P+N C63 0.03A 4.5kA	687,960

NXBLE-125 Cầu dao chống dòng rò kết hợp bảo vệ quá tải, ngắn mạch 63-125A

- * Dòng định mức: 63 - 125A;
- * Tần số: 50/60Hz;
- * Đặc tính đường cong: C
- * Bảo vệ quá tải, chống giật và chống dòng rò;
- * Phù hợp tiêu chuẩn: IEC61009-1;

Hình ảnh	Số cực	In	Icn	Dòng rò	Mã hàng	Đơn giá
	1P+N	63A	10kA	30mA	NXBLE-125 1P+N 63 30mA	918,000
	1P+N	80A	10kA	30mA	NXBLE-125 1P+N C80 30mA	918,000
	1P+N	100A	10kA	30mA	NXBLE-125 1P+N C100 30mA	918,000
	1P+N	125A	10kA	30mA	NXBLE-125 1P+N C125 30mA	1,014,120
	3P+N	63A	10kA	30mA	NXBLE-125 3P+N C63 30mA	1,455,840
	3P+N	80A	10kA	30mA	NXBLE-125 3P+N C80 30mA	1,455,840
	3P+N	100A	10kA	30mA	NXBLE-125 3P+N C100 30mA	1,455,840

Phụ kiện dùng cho NXB-63

Chức năng	Mã hàng	Đơn giá
Tiếp điểm phụ	AX-X1	237,600
Tiếp điểm báo sự cố	AL-X1	237,600
Cuộn ngắt điện áp AC24V/48V,DC24V/48V	SHT-X1 AC24V/48V,DC24V/48V	324,000
Cuộn ngắt điện áp AC230V/400V	SHT-X1 AC230V/400V	316,440
Cuộn bảo vệ quá áp điện áp AC240V	OVT-X1	609,120
Cuộn bảo vệ thấp áp điện áp AC240V	UVT-X1	609,120
Cuộn bảo vệ quá áp/thấp áp điện áp AC240V	OUVT-X1	609,120
Khóa liên động đảo chiều MCB	LMI-XB	160,920

Phụ kiện dùng cho NXB-125

Chức năng	Mã hàng	Đơn giá
Tiếp điểm phụ	AX-X3	361,800
Tiếp điểm báo sự cố	AL-X3	361,800
Cuộn ngắt điện áp AC24V/48V,DC24V/48V	SHT-X3 AC24V/48V,DC24V/48V	380,160
Cuộn ngắt điện áp AC230V/400V	SHT-X3 AC230V/400V	380,160
Cuộn bảo vệ quá áp điện áp AC240V	OVT-X3	609,120
Cuộn bảo vệ thấp áp điện áp AC240V	UVT-X3	609,120
Cuộn bảo vệ quá áp/thấp áp điện áp AC240V	OUVT-X3	609,120
Khóa liên động đảo chiều MCB	LMI-12	97,200

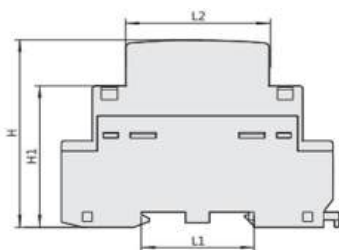


NCH8 Khởi động từ dạng mô đun dùng trong chiếu sáng

- * Dòng điện định mức: 20A, 25A, 40A, 63A;
- * Điện áp hoạt động: 230V, 400V;
- * Tần số: 50/60Hz;
- * Áp dụng cho tải: AC-1, AC-7a, AC-7b;
- * Phù hợp tiêu chuẩn: IEC/EN 61095;
- * Chứng nhận: CE



Số Tiếp Điểm	Điện áp(V)	Ampe(A)	Mã hàng	Đơn giá
2NO	230V	20A	NCH8-20/20 220/230V	474,120
1NO+1NC	230V	20A	NCH8-20/11 220/230V	474,120
2NO	24V	20A	NCH8-20/20 24V	474,120
2NO	230V	25A	NCH8-25/20 220/230V	537,840
1NO+1NC	230V	25A	NCH8-25/11 220/230V	537,840
3NO+1NC	230V	25A	NCH8-25/31 220/230V	798,120
4NO	230V	25A	NCH8-25/40 220/230V	798,120
2NO	24V	25A	NCH8-25/20 24V	537,840
2NO	230V	40A	NCH8-40/20 220/230V	790,560
2NO+2NC	230V	40A	NCH8-40/22 220/230V	1,148,040
2NO	24V	40A	NCH8-40/20 24V	790,560
2NO	230V	63A	NCH8-63/20 220/230V	940,680
2NO+2NC	230V	63A	NCH8-63/22 220/230V	1,194,480
4NO	230V	63A	NCH8-63/40 220/230V	1,194,480
2NO	24V	63A	NCH8-63/20 24V	940,680



Model	D		L	L1	L2	H	H1
	2P	4P					
NCH8-20~25	18	36	85	35.5	45	65.5	50
NCH8-40~36	36	54	85	35.5	45	65.5	50

NXM Cầu dao tự động dạng khối (MCCB)

- * Dòng định mức: 10A - 1600A;
- * Điện áp hoạt động: 220V/230V/240V, 380V/400V/415V;
- * Số cực: 2P, 3P, 4P;
- * Loại bảo vệ: Bảo vệ từ nhiệt, bảo vệ từ;
- * Mã công suất ngắn mạch: E, S, F(Icu=100%Ucs), H;
- * Phù hợp tiêu chuẩn: IEC60947-2;
- * Chứng nhận: CCC, CE, KEMA

Hình ảnh	Số cực	In	Icu	Mã hàng	Đơn giá
	2P	25A	25kA	NXM-125S/2300 25A	1,105,920
	2P	32A	25kA	NXM-125S/2300 32A	1,105,920
	2P	40A	25kA	NXM-125S/2300 40A	1,105,920
	2P	50A	25kA	NXM-125S/2300 50A	1,105,920
	2P	63A	25kA	NXM-125S/2300 63A	1,105,920
	2P	80A	25kA	NXM-125S/2300 80A	1,105,920
	2P	100A	25kA	NXM-125S/2300 100A	1,105,920
	2P	125A	25kA	NXM-125S/2300 125A	1,105,920
	2P	160A	36kA	NXM-250S/2300 160A	1,693,440
	2P	180A	36kA	NXM-250S/2300 180A	1,693,440
	2P	200A	36kA	NXM-250S/2300 200A	1,693,440
	2P	225A	36kA	NXM-250S/2300 225A	1,693,440
	2P	250A	36kA	NXM-250S/2300 250A	1,693,440
	3P	25A	25kA	NXM-125S/3300 25A	1,734,480
	3P	32A	25kA	NXM-125S/3300 32A	1,734,480
	3P	40A	25kA	NXM-125S/3300 40A	1,734,480
	3P	50A	25kA	NXM-125S/3300 50A	1,734,480
	3P	63A	25kA	NXM-125S/3300 63A	1,734,480
	3P	80A	25kA	NXM-125S/3300 80A	1,734,480
	3P	100A	25kA	NXM-125S/3300 100A	1,734,480
	3P	125A	25kA	NXM-125S/3300 125A	1,734,480
	3P	160A	36kA	NXM-250S/3300 160A	2,354,400
	3P	180A	36kA	NXM-250S/3300 180A	2,454,840
	3P	200A	36kA	NXM-250S/3300 200A	2,454,840
	3P	225A	36kA	NXM-250S/3300 225A	2,454,840
	3P	250A	36kA	NXM-250S/3300 250A	2,454,840
	3P	315A	50kA	NXM-400S/3300 315A	7,845,120
	3P	320A	50kA	NXM-400S/3300 320A	7,845,120
	3P	350A	50kA	NXM-400S/3300 350A	7,845,120
	3P	400A	50kA	NXM-400S/3300 400A	7,845,120
	3P	500A	50kA	NXM-630S/3300 500A	10,882,080
	3P	630A	50kA	NXM-630S/3300 630A	10,882,080
	3P	800A	50kA	NXM-800S/3300 800A	18,161,280
	3P	1000A	50kA	NXM-1000S/3300 1000A	28,684,800
	3P	1250A	50kA	NXM-1600S/3300T 1250A	56,190,240
	3P	1600A	50kA	NXM-1600S/3300T 1600A	56,190,240

Hình ảnh	Số cực	In	Icu	Mã hàng	Đơn giá
	4P	25A	25kA	NXM-125S/4300B 25A	2,512,080
	4P	32A	25kA	NXM-125S/4300B 32A	2,512,080
	4P	40A	25kA	NXM-125S/4300B 40A	2,512,080
	4P	50A	25kA	NXM-125S/4300B 50A	2,512,080
	4P	63A	25kA	NXM-125S/4300B 63A	2,512,080
	4P	80A	25kA	NXM-125S/4300B 80A	2,512,080
	4P	100A	25kA	NXM-125S/4300B 100A	2,512,080
	4P	125A	25kA	NXM-125S/4300B 125A	2,512,080
	4P	160A	36kA	NXM-250S/4300B 160A	3,828,600
	4P	180A	36kA	NXM-250S/4300B 180A	3,589,920
	4P	200A	36kA	NXM-250S/4300B 200A	3,589,920
	4P	225A	36kA	NXM-250S/4300B 225A	3,589,920
	4P	250A	36kA	NXM-250S/4300B 250A	3,589,920
	4P	315A	50kA	NXM-400S/4300B 315A	9,059,040
	4P	320A	50kA	NXM-400S/4300B 320A	9,059,040
	4P	350A	50kA	NXM-400S/4300B 350A	9,059,040
	4P	400A	50kA	NXM-400S/4300B 400A	9,059,040
	4P	500A	50kA	NXM-630S/4300B 500A	14,696,640
	4P	630A	50kA	NXM-630S/4300B 630A	14,696,640
	4P	800A	50kA	NXM-800S/4300B 800A	23,603,400

NXM Series Tiếp điểm phụ

Hình ảnh	Ampe	Ue	Lắp đặt	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
	63/125A	/	Phải	AX-M1 R	289,440
	160A	/	Trái	NXB-63 1P C1 6kA	186,840
	160A	/	Phải	AX-M2 R	289,440
	250A	/	Trái	AX-M3 L	289,440
	250A	/	Phải	AX-M3 R	289,440
	400/630A	/	Trái	AX-M4 L	582,120
	800A	/	Trái	AX-M5 L	582,120
	800A	/	Phải	AX-M5 R	582,120

NXM Series Tiếp điểm báo sự cố

Hình ảnh	Ampe	Ue	Lắp đặt	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
	63/125A	/	Phải	AL-M1 R	278,640
	160A	/	Trái	AL-M2 L	282,960
	160A	/	Phải	AL-M2 R	282,960
	250A	/	Trái	AL-M3 L	278,640
	400/630A	/	Trái	AL-M4 L	582,120
	800A	/	Trái	AL-M5 L	582,120
	800A	/	Phải	AL-M5 R	582,120

NXM Series Cuộn ngắt

Hình ảnh	Ampe	Ue	Lắp đặt	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
	63/125A	AC220-240V	Trái	SHT-M1 A1 L	635,040
	63/125A	AC220-240V	Phải	SHT-M1 A1 R	635,040
	160A	AC220-240V	Trái	SHT-M2 A1 L	635,040
	160A	AC220-240V	Phải	SHT-M2 A1 R	635,040
	250A	AC220-240V	Trái	SHT-M3 A1 L	635,040
	250A	AC220-240V	Phải	SHT-M3 A1 R	635,040
	400/630A	AC220-240V	Phải	SHT-M4 A1 R	1,449,360
	800A	AC220-240V	Phải	SHT-M5 A1 R	1,590,840
	1000A	AC220-240V	Phải	SHT-M6 A1 R	1,766,880
	1600A	AC220-240V	Trái	SHT-M7 A1 L	3,111,480

NXM Series Cuộn bảo vệ thấp áp

Hình ảnh	Ampe	Ue	Lắp đặt	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
	63/125A	AC220-240V	Trái	UVT-M1 A1 L	1,398,600
	160A	AC220-240V	Trái	UVT-M2 A1 L	1,398,600
	250A	AC220-240V	Phải	UVT-M3 A1 R	1,326,240
	400/630A	AC220-240V	Phải	UVT-M4 A1 R	3,176,280
	800A	AC220-240V	Trái	UVT-M5 A1 L	3,429,000
	1000A	AC220-240V	Trái	UVT-M6 A1 L	3,429,000
	1600A	AC220-240V	Trái	UVT-M7 A1 L	7,149,600

NXM Series Mô tơ ON/OFF tự động

Hình ảnh	Ampe	Ue	Lắp đặt	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
	63/125A	AC/DC 220V	Surface	MD-M1 D3/A1	8,928,360
	160A	AC/DC 220V	Surface	MD-M2 A1 H	8,928,360
	160A	AC/DC 220V	Surface	MD-M2 A1 S	8,928,360
	250A	AC/DC 220V	Surface	MD-M3 D3/A1 (S/H)	8,928,360
	400/630A	AC/DC 220V	Surface	MD-M4 D3/A1	15,334,920
	800A	AC/DC 220V	Surface	MD-M5 D3/A1	17,120,160
	1000A	AC/DC 220V	Surface	MD-M6 D3/A1	19,570,680
	1600A	AC/DC 220V	Surface	MD-M7 D3/A1	21,076,200

NXM Series Tay xoay mở rộng

Hình ảnh	Ampe	Ue	Lắp đặt	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
	63/125A	/	Surface	ERH-M1	1,150,200
	160A	/	Surface	ERH-M2	1,150,200
	250A	/	Surface	ERH-M3 (S/H)	1,261,440
	400/630A	/	Surface	ERH-M4	1,725,840
	800A	/	Surface	ERH-M5	2,067,120
	1000A	/	Surface	ERH-M6	2,238,840
	1600A	/	Surface	ERH-M7	2,759,400

RT28 Ruột chì trụ tròn

- * Dòng điện định mức: 2A - 63A;
- * Kích thước : 10x38
- * Điện áp hoạt động: 500V;
- * Phù hợp tiêu chuẩn: IEC60269-2;

Hình ảnh	In	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
	2A	RT28-32 2A gG/gL	17,280
	4A	RT28-32 4A gG/gL	17,280
	6A	RT28-32 6A gG/gL	17,280
	10A	RT28-32 10A gG/gL	17,280
	16A	RT28-32 16A gG/gL	17,280
	20A	RT28-32 20A gG/gL	17,280
	25A	RT28-32 25A gG/gL	17,280
	32A	RT28-32 32A gG/gL	17,280

RT28 Đế cầu chì

Hình ảnh	Số cực	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
	1P	BASE RT28N-32X 1P	84,240
	2P	BASE RT28N-32X 2P	171,720
	3P	BASE RT28N-32X 3P	255,960

Súng bắn nhiệt độ			
	Chức Năng	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
	Đo nhiệt độ từ: -50oC – 0oC (3oC) Đo nhiệt độ từ: 0oC – 580oC (1.5%+1oC) Kích thước: 138x102x45mm Pin: AAAx2	ZTY0523A	
Bút thử điện không tiếp xúc			
	Chức Năng	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
	Chế độ đo gần màu xanh : 12 ~ 250V Chế độ đo xa màu đỏ : khoảng cách 630 ~ 670mm, < 1mW Kích thước: 160x23x26mm Pin: AAAx2	ZTY1322A	
Đồng hồ VOM đa năng			
	Chức Năng	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
	Đo điện áp AC: lên đến 600V Đo điện áp DC: 200mV/2V/20V/200V Đo điện trở: 200Ω/2kΩ/20kΩ/200kΩ Đo dòng điện DC: 200μA/2mA/20mA/200mA Đo diode và kiểm tra thông mạch.	ZTY0123A	
Ổ cắm gắn thanh rail			
	Đặc Điểm	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
	Loại 2 chấu (10A 250V~)	AC30-103	
	Loại 3 chấu (10A 250V~)	AC30-124	
Đồng hồ VOM đa năng			
	Chức Năng	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
	Đo dòng điện AC: 0-1000A (3%+5) Đo điện áp DC: 0-1000V (0.8%+3) Đo điện áp AC: 0-750V (1.2%+5) Đo điện trở: 200Ω-20kΩ Đo tần số (Hz) : 40-1000Hz (± 1.5%) Cảm ứng dòng điện NCV (Non Contact Voltage) : có Sử dụng pin 9V	ZTYT201A	

DDSU666 Đồng hồ KWH một pha gắn trên thanh DIN

- * Điện áp định mức (Un): 120V, 220V, 230V, 240V;
- * Điện áp hoạt động: 0.75Un ~ 1.2Un;
- * Công suất tiêu thụ: <1W, 5VA;
- * Cấp chính xác: Class 1.0 for active;
- * Phù hợp tiêu chuẩn: IEC62052-11, IEC62053-21;
- * Cổng giao tiếp: RS-485, Protocol, Modbus and DL/T;



	Hệ thống	Điện áp	Dòng Điện	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
	1P2W	230V	5(80)A	DDSU666 220/230V 5(80)A RS485 2P	1,452,600

DTSU666 Đồng hồ KWH ba pha gắn trên thanh DIN

- * Điện áp định mức (Un): 3x220/380V, 3x57.7/100V;
- * Điện áp hoạt động: 0.7Un ~ 1.2Un;
- * Công suất tiêu thụ: <1W, 5VA;
- * Cấp chính xác: Class 1.0 for active;
- * Phù hợp tiêu chuẩn: IEC62052-11, IEC62053-21;
- * Cổng giao tiếp: RS-485, Protocol, Modbus and DL/T;



	Hệ thống	Điện áp	Dòng Điện	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
	3P4W	230/400V	5(80)A	DTSU666 3x230/400V 5(80)A RS485 4P	2,778,840
	3P4W	230/400V	1.5(6)A	DTSU666 3x230/400V 1.5(6)A RS485 4P	2,778,840

Đồng hồ đo Analog CHINT

	Đặc Điểm	Dải đo	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
	*Cấp chính xác: Class 1.5 *Kích thước 96x96x67.5 *Chứng chỉ: CE *Chứng nhận: IEC/EN60947-1, EN60947-3, EN60947-5-1 *Phạm vi đo lường NP96-A: 1A – 100A (đầu nối trực tiếp); 5A – 10kA/5A (qua biến dòng). *Phạm vi đo lường NP96-V: 15V – 600V (đầu nối trực tiếp) 450 – 450kV/100V (qua biến áp).	500V	NP96-V 500V	660,960
		50A	NP96-A 50/5A (NO-OL)	630,720
		100A	NP96-A 100/5A (NO-OL)	630,720
		150A	NP96-A 150/5A (NO-OL)	630,720
		200A	NP96-A 200/5A (NO-OL)	630,720
		300A	NP96-A 300/5A (NO-OL)	630,720
		400A	NP96-A 400/5A (NO-OL)	630,720
		500A	NP96-A 500/5A (NO-OL)	630,720
		600A	NP96-A 600/5A (NO-OL)	630,720
		800A	NP96-A 800/5A (NO-OL)	630,720

NXE Series Khởi động từ AC3, 6A-630A

Hình ảnh	Ampe	Số cực	Tiếp điểm	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
	6A	3P	1NO+1NC	NXC-06 220V 50/60Hz	347,760
	6A	3P	1NO+1NC	NXB-63 1P C1 6kA	186,840
	9A	3P	1NO+1NC	NXC-09 220V 50/60Hz	360,720
	9A	3P	1NO+1NC	NXC-09 380V 50/60Hz	360,720
	12A	3P	1NO+1NC	NXC-12 220V 50/60Hz	394,200
	12A	3P	1NO+1NC	NXC-12 380V 50/60Hz	425,520
	16A	3P	1NO+1NC	NXC-16 220V 50/60Hz	410,400
	16A	3P	1NO+1NC	NXC-16 380V 50/60Hz	427,680
	18A	3P	1NO+1NC	NXC-18 220V 50/60Hz	427,680
	18A	3P	1NO+1NC	NXC-18 380V 50/60Hz	462,240
	22A	3P	1NO+1NC	NXC-22 220V 50/60Hz	453,600
	22A	3P	1NO+1NC	NXC-22 380V 50/60Hz	469,800
	25A	3P	1NO+1NC	NXC-25 220V 50/60Hz	604,800
	25A	3P	1NO+1NC	NXC-25 380V 50/60Hz	650,160
	32A	3P	1NO+1NC	NXC-32 220V 50/60Hz	813,240
	32A	3P	1NO+1NC	NXC-32 380V 50/60Hz	888,840
	38A	3P	1NO+1NC	NXC-38 220V 50/60Hz	869,400
	38A	3P	1NO+1NC	NXC-38 380V 50/60Hz	906,120
	40A	3P	1NO+1NC	NXC-40 220V 50/60Hz	1,267,920
	40A	3P	1NO+1NC	NXC-40 380V 50/60Hz	1,229,040
	50A	3P	1NO+1NC	NXC-50 220V 50/60Hz	1,385,640
	50A	3P	1NO+1NC	NXC-50 380V 50/60Hz	1,346,760
	65A	3P	1NO+1NC	NXC-65 220V 50/60Hz	1,712,880
	65A	3P	1NO+1NC	NXC-65 380V 50/60Hz	1,657,800
	75A	3P	1NO+1NC	NXC-75 220V 50/60Hz	2,182,680
	75A	3P	1NO+1NC	NXC-75 380V 50/60Hz	2,517,480
	85A	3P	1NO+1NC	NXC-85 220V 50/60Hz	2,434,320
	85A	3P	1NO+1NC	NXC-85 380V 50/60Hz	2,579,040
	100A	3P	1NO+1NC	NXC-100 220V 50/60Hz	2,770,200
	100A	3P	1NO+1NC	NXC-100 380V 50/60Hz	2,693,520
	120A	3P	2NO+2NC	NXC-120 220V 50/60Hz	5,289,840
	120A	3P	2NO+2NC	NXC-120 380V 50/60Hz	6,354,720
	160A	3P	2NO+2NC	NXC-160 220V 50/60Hz	5,886,000
	160A	3P	2NO+2NC	NXC-160 380V 50/60Hz	6,472,440
	185A	3P	2NO+2NC	NXC-185 220V 50/60Hz	6,549,120
	185A	3P	2NO+2NC	NXC-185 380V 50/60Hz	6,549,120
	225A	3P	2NO+2NC	NXC-225 220V 50/60Hz	6,929,280
	225A	3P	2NO+2NC	NXC-225 380V 50/60Hz	6,929,280
	265A	3P	2NO+2NC	NXC-265 AC/DC 220V-240V	10,487,880
	265A	3P	2NO+2NC	NXC-265 AC/DC 380V-415V	11,460,960
	330A	3P	2NO+2NC	NXC-330 AC/DC 220V-240V	13,978,440
	330A	3P	2NO+2NC	NXC-330 AC/DC 380V-415V	15,683,760
	400A	3P	2NO+2NC	NXC-400 AC/DC 220V-240V	15,618,960
	400A	3P	2NO+2NC	NXC-400 AC/DC 380V-415V	16,705,440
	500A	3P	2NO+2NC	NXC-500 AC/DC 220V-240V	21,820,320
	500A	3P	2NO+2NC	NXC-500 AC/DC 380V-415V	21,820,320
	630A	3P	2NO+2NC	NXC-630 AC/DC 220V-240V	31,509,000
	630A	3P	2NO+2NC	NXC-630 AC/DC 380V-415V	31,509,000

NXC Series Tiếp điểm phụ lắp phía trên mặt khởi động từ				
Hình ảnh	Tiếp điểm		Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
	1NO+1NC		AX-3X/11	
	2NO+2NC		AX-3X/22	
	3NO+1NC		AX-3X/31	
NXC Series Tiếp điểm phụ lắp bên cạnh khởi động từ				
	Ampe	Tiếp điểm	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
	06-225A	1NO+1NC	AX-3C/11	
NXC Series Tiếp điểm phụ lắp bên cạnh khởi động từ				
	Ampe	Tiếp điểm	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
	/	ON DELAY	F5-T2	
	/	OFF DELAY	F5-D2	

NXR Rò le nhiệt 0.1-630A (dùng cho khởi động từ NXC)

* Dây điều chỉnh: 0.1-630A;

* Ba pha loại bảo vệ cơ hoặc điện tử (NXR-200, NXR-630);

* Phù hợp tiêu chuẩn: IEC/EN 60947-4-1, IEC/EN 60947-5-1

	In	Tiếp điểm	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
NXR-25 (dùng cho NXC-06~NXC-25) 	0.1-0.16A	1NO+1NC	NXR-25 0.1-0.16A	407,160
	0.16-0.25A	1NO+1NC	NXR-25 0.16-0.25A	407,160
	0.25-0.4A	1NO+1NC	NXR-25 0.25-0.4A	407,160
	0.4-0.63A	1NO+1NC	NXR-25 0.4-0.63A	407,160
	0.63-1A	1NO+1NC	NXR-25 0.63-1A	407,160
	1-1.6A	1NO+1NC	NXR-25 1-1.6A	407,160
	1.25-2A	1NO+1NC	NXR-25 1.25-2A	407,160
	1.6-2.5A	1NO+1NC	NXR-25 1.6-2.5A	407,160
	2.5-4A	1NO+1NC	NXR-25 2.5-4A	407,160
	4-6A	1NO+1NC	NXR-25 4-6A	407,160
	5.5-8A	1NO+1NC	NXR-25 5.5-8A	407,160
	7-10A	1NO+1NC	NXR-25 7-10A	407,160
	9-13A	1NO+1NC	NXR-25 9-13A	407,160
	12-18A	1NO+1NC	NXR-25 12-18A	407,160
	17-25A	1NO+1NC	NXR-25 17-25A	407,160
NXR-38 (dùng cho NXC-32~NXC-38)	23A-32A	1NO+1NC	NXR-38 23A-32A	509,760
	30A-38A	1NO+1NC	NXR-38 30A-38A	509,760
NXR-100 (dùng cho NXC-40~NXC-100) 	23A-32A	1NO+1NC	NXR-100 23A-32A	810,000
	30A-40A	1NO+1NC	NXR-100 30A-40A	810,000
	37A-50A	1NO+1NC	NXR-100 37A-50A	810,000
	48A-65A	1NO+1NC	NXR-100 48A-65A	810,000
	55A-70A	1NO+1NC	NXR-100 55A-70A	810,000
	63A-80A	1NO+1NC	NXR-100 63A-80A	894,240
	80A-93A	1NO+1NC	NXR-100 80A-93A	894,240
	80A-100A	1NO+1NC	NXR-100 80A-100A	940,680
NXR-200 (dùng cho NXC-120~NXC-225)	80A-160A	1NO+1NC	NXR-200 80A-160A	4,757,400
	100A-200A	1NO+1NC	NXR-200 100A-200A	4,757,400
NXR-630 (dùng cho NXC-225~NXC-630)	125A-250A	1NO+1NC	NXR-630 125A-250A	7,394,760
	200A-400A	1NO+1NC	NXR-630 200A-400A	7,394,760
	315A-630A	1NO+1NC	NXR-630 315A-630A	8,318,160

NS2 Bộ khởi động động cơ bằng tay

- * Dây điều chỉnh: 0.1-630A;
- * Ba pha loại bảo vệ cơ hoặc điện tử (NXR-200, NXR-630);
- * Phù hợp tiêu chuẩn: IEC/EN 60947-4-1, IEC/EN 60947-5-1

Hình ảnh	Dãy chỉnh	Công suất	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
	16A-25A	11	NS2-80B 16A-25A	2,874,960
	25A-40A	18.5	NS2-80B 25A-40A	2,874,960
	40A-63A	30	NS2-80B 40A-63A	2,874,960
	56A-80A	40	NS2-80B 56A-80A	2,874,960
	0.1-0.16A	0.06	NS2-25X 0.1-0.16A	1,143,720
	0.16-0.25A	0.09	NS2-25X 0.16-0.25A	1,143,720
	0.25-0.4A	0.12	NS2-25X 0.25-0.4A	1,143,720
	0.4-0.63A	0.18	NS2-25X 0.4-0.63A	1,143,720
	0.63-1A	0.25	NS2-25X 0.63-1A	1,143,720
	1-1.6A	0.37	NS2-25X 1-1.6A	1,143,720
	1.6-2.5A	0.75	NS2-25X 1.6-2.5A	1,143,720
	2.5-4A	1.5	NS2-25X 2.5-4A	1,143,720
	4-6.3A	2.2	NS2-25X 4-6.3A	1,143,720
	6-10A	4	NS2-25X 6-10A	1,143,720
	9-14A	5.5	NS2-25X 9-14A	1,143,720
	13-18A	7.5	NS2-25X 13-18A	1,143,720
	17-23A	11	NS2-25X 17-23A	1,143,720
	20-25A	11	NS2-25X 20-25A	1,143,720

Khởi Động Mềm

- * Dòng điện định mức: 15-640A;
- * Điện áp hoạt động: 3 Pha 380V(±15%);
- * Dòng khởi động: 0.5 đến 5 lần dòng khởi động giới hạn;
- * Ramp-down time: 0-60 sec;
- * Giá trị điện áp cơ bản cho khởi động mềm: 30% Ue ~ 70%Ue;
- * Thời gian kích khởi động: 0.1 sec;
- * Phù hợp tiêu chuẩn: IEC60947-4-2;
- * Chứng nhận: CCC, CE;



	kW	Nguồn cấp	Ngõ ra (A)	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
By Pass Type	7.5	3 Phase (380V)	15	NJR2-7.5D	18,419,400
	11	3 Phase (380V)	22	NJR2-11D	19,130,040
	15	3 Phase (380V)	29	NJR2-15D	20,246,760
	18.5	3 Phase (380V)	36	NJR2-18.5D	20,805,120
	22	3 Phase (380V)	42	NJR2-22D	21,363,480
	30	3 Phase (380V)	57	NJR2-30D	22,751,280
	37	3 Phase (380V)	70	NJR2-37D	25,659,720
	45	3 Phase (380V)	84	NJR2-45D	27,282,960
	55	3 Phase (380V)	103	NJR2-55D	30,344,760
	75	3 Phase (380V)	140	NJR2-75D	40,240,800
	90	3 Phase (380V)	167	NJR2-90D	44,638,560
	110	3 Phase (380V)	207	NJR2-110D	48,038,400
	132	3 Phase (380V)	248	NJR2-132D	50,626,080
	160	3 Phase (380V)	300	NJR2-160D	52,470,720
	185	3 Phase (380V)	349	NJR2-185D	55,276,560
	220	3 Phase (380V)	404	NJR2-220D	58,017,600
	250	3 Phase (380V)	459	NJR2-250D	60,268,320
	280	3 Phase (380V)	514	NJR2-280D	64,056,960
	315	3 Phase (380V)	579	NJR2-315D	66,341,160
Online Type	7.5	3 Phase (380V)	15	NJR5-15/ZX3	28,202,040
	11	3 Phase (380V)	22	NJR5-22/ZX3	31,336,200
	15	3 Phase (380V)	29	NJR5-30/ZX3	32,604,120
	18.5	3 Phase (380V)	36	NJR5-37/ZX3	34,172,280
	22	3 Phase (380V)	42	NJR5-44/ZX3	43,579,080
	30	3 Phase (380V)	57	NJR5-60/ZX3	47,011,320
	37	3 Phase (380V)	70	NJR5-74/ZX3	51,416,640
	45	3 Phase (380V)	84	NJR5-90/ZX3	57,075,840
	55	3 Phase (380V)	103	NJR5-110/ZX3	61,182,000
	75	3 Phase (380V)	140	NJR5-150/ZX3	65,806,560
	90	3 Phase (380V)	167	NJR5-180/ZX3	70,448,400
	110	3 Phase (380V)	207	NJR5-220/ZX3	74,036,160
	132	3 Phase (380V)	248	NJR5-264/ZX3	79,695,360
	160	3 Phase (380V)	300	NJR5-320/ZX3	84,837,240
	185	3 Phase (380V)	349	NJR5-370/ZX3	154,251,000
	220	3 Phase (380V)	404	NJR5-440/ZX3	173,281,680
	250	3 Phase (380V)	459	NJR5-500/ZX3	185,099,040
	280	3 Phase (380V)	514	NJR5-560/ZX3	200,525,760
	315	3 Phase (380V)	579	NJR5-630/ZX3	221,092,200
	355	3 Phase (380V)	634	NJR5-710/ZX3	241,657,560
	400	3 Phase (380V)	720	NJR5-800/ZX3	287,808,120
	450	3 Phase (380V)	810	NJR5-900/ZX3	301,446,360
	500	3 Phase (380V)	900	NJR5-1000/ZX3	319,002,840

NP2-EA Nút nhấn nhả

* Phù hợp với điện áp: AC50/60HZ, AC380V/DC220V;

* Cấp bảo vệ chống bụi: IP40;

* Phù hợp tiêu chuẩn: IEC60947-5-1;

* Chứng nhận: CCC, CE, EAC, UL, ACCE-NOM, Ukraine;

Hình ảnh	Phân loại	Thông số	NO	NC	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
	Nút nhấn không đèn	Trắng	1	-	NP2-EA11	62,640
		Đen	1	-	NP2-EA21	60,480
		Xanh lá	1	-	NP2-EA31	62,640
		Vàng	1	-	NP2-EA51	62,640
		Xanh dương	1	-	NP2-EA61	62,640
		Đỏ	-	1	NP2-EA42	62,640
	Công tắc xoay	2VT cần ngắn	1	-	NP2-ED21	70,200
		3VT cần ngắn	2	-	NP2-ED33	79,920
		2VT cần dài	1	-	NP2-EJ21	70,200
		3VT cần dài	2	-	NP2-EJ33	79,920
		2VT tự trả	1	-	NP2-ED41	70,200
		3VT tự trả	2	-	NP2-ED53	79,920
	Công tắc xoay có chìa khóa	2VT tự giữ	1	-	NP2-EG21	137,160
		2VT tự trả	1	-	NP2-EG41	137,160
		3VT tự giữ	2	-	NP2-EG33	143,640
		3VT tự trả	2	-	NP2-EG53	152,280
	Nút nhấn kép	Xanh-đỏ	1	1	NP2-EL8325	79,920
	Nút nhấn có đèn 220V	Xanh lá	1	-	NP2-EW3361 230V LED	159,840
		Vàng	1	-	NP2-EW3561 230V LED	137,160
		Xanh dương	1	-	NP2-EW3661 230V LED	146,880
		Trắng	1	-	NP2-EW3162 230V LED	146,880
		Đỏ	-	1	NP2-EW3462 230V LED	159,840
	Nút nhấn có đèn 24V	Xanh lá	1	-	NP2-EW3361 24V LED	137,160
		Vàng	1	-	NP2-EW3561 24V LED	137,160
		Đỏ	-	1	NP2-EW3462 24V LED	156,600
	Nút dừng khẩn		-	1	NP2-ES542	79,920
	Nút nhấn dù	Trắng	1	-	NP2-EC11	77,760
		Đen	1	-	NP2-EC21	77,760
		Xanh lá	1	-	NP2-EC31	70,200
		Vàng	1	-	NP2-EC51	77,760
		Xanh dương	1	-	NP2-EC61	77,760
		Đỏ	-	1	NP2-EC42	70,200
	Hộp nút nhấn	1 lỗ			NP2-B01	137,160
		2 lỗ			NP2-B02	137,160
		3 lỗ			NP2-B03	137,160
	Tiếp điểm phụ	NO	1	-	NP2-BE101	43,200
		NC	-	1	NP2-BE102	43,200

ND16 Đèn báo

- * Phù hợp với điện áp: AC50/60HZ, AC380V/DC220V;
- * Cấp bảo vệ chống bụi: IP40;
- * Phù hợp tiêu chuẩn: IEC60947-5-1;
- * Chứng nhận: CCC, CE, EAC, UL, ACCE-NOM, Ukraine;

Hình ảnh	Phân loại	Thông số	Điện áp	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
		Xanh dương	220VAC/DC	NXB-63 1P C1 6kA	186,840
		Đỏ		ND16-22C/2 220V RED	66,960
		Vàng		ND16-22C/2 220V YEL	66,960
		Xanh Lá		ND16-22C/2 220V GRN	66,960
		Xanh dương	24VDC	ND16-22CS/2 24V BLU	66,960
		Đỏ		ND16-22CS/2 24V RED	66,960
		Vàng		ND16-22CS/2 24V YEL	66,960
		Xanh Lá		ND16-22CS/2 24V GRN	66,960

JZX Series Rờ le kiểm

- * Nhiệt độ môi trường: -40 đến 70 độ C;
- * Số cặp tiếp điểm: 2Z, 4Z;
- * Khả năng tiếp xúc cao, phù hợp trong điều khiển PLC;
- * Phù hợp tiêu chuẩn: IEC/EN 60947-4-1;
- * Chứng nhận: CE;

Hình ảnh	Phân loại	Dòng điện	Điện áp	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
	8 chân dẹp nhỏ	5A	220VAC	JZX-22F(D)/2Z PLU AC220V	
		5A	12VDC	JZX-22F(D)/2Z PLU DC12V	133,920
		5A	24VDC	JZX-22F(D)/2Z PLU DC24V	133,920
	14 chân dẹp nhỏ	3A	220VAC	JZX-22F(D)/4Z PLU AC220V	
		3A	12VDC	JZX-22F(D)/4Z PLU DC12V	155,520
		3A	24VDC	JZX-22F(D)/4Z PLU DC24V	155,520
	8 chân dẹp lớn (có đèn)	10A	220VAC	JQX-13F(D) 220VAC PLU	166,320
		10A	12VDC	JQX-13F(D) 12VDC PLU	166,320
		10A	24VDC	JQX-13F(D) 24VDC PLU	166,320
	8 chân dẹp lớn (không đèn)	10A	220VAC	JQX-13F 220VAC PLU	132,840
		10A	12VDC	JQX-13F 12VDC PLU	132,840
		10A	24VDC	JQX-13F 24VDC PLU	132,840
	8 chân tròn	10A	220VAC	JQX-10F/2Z AC220V	191,160
		10A	24VDC	JQX-10F/2Z DC24V	191,160
	Đế 8 chân tròn	10A		CZF08A	36,720
	Đế 8 chân dẹp nhỏ	5A		CZY08B-01	65,880
	Đế 14 chân dẹp nhỏ	3A		CZY14B	66,960
	Đế 8 chân dẹp lớn	10A		CZT08B-01	57,240

Series Rờ le kiểu NXJ

- * Nhiệt độ môi trường: -40 đến 70 độ C;
- * Số cấp tiếp điểm: 2Z, 4Z;
- * Khả năng tiếp xúc cao, phù hợp trong điều khiển PLC;
- * Phù hợp tiêu chuẩn: IEC/EN 60947-4-1;
- * Chứng nhận: CE;

Hình ảnh	Phân loại	Dòng điện	Điện áp	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
	8 chân dẹp nhỏ	5A	220VAC	NXJ/2Z(D) 220VAC PLU	113,400
		5A	24VDC	NXJ/2Z(D) 24VDC PLU	114,480
	11 chân dẹp nhỏ	5A	220VAC	NXJ/3Z(D) 220VAC PLU	125,280
		3A	24VDC	NXJ/3Z(D) 24VDC PLU	125,280
	14 chân dẹp nhỏ	3A	220VAC	NXJ/4Z(D) 220VAC PLU	132,840
		3A	24VDC	NXJ/4Z(D) 24VDC PLU	132,840
	8 chân dẹp lớn	10A	220VAC	NXJ/2ZH(D) 220VAC PLU	117,720
		10A	24VDC	NXJ/2ZH(D) 24VDC PLU	117,720
	Đế 8 chân dẹp nhỏ	5A		RS-NXJ-2Z/C1	41,040
	Đế 8 chân dẹp Lớn	10A		RS-NXJ-2ZH/C1	41,040
	Đế 11 chân dẹp nhỏ	3A		RS-NXJ-3Z/C1	44,280
	Đế 14 chân dẹp lớn	3A		RS-NXJ-4Z/C1	50,760

NP3 Series Điều khiển cần trục

Thiết bị điều khiển NP3 được sử dụng trong điều khiển mạch từ xa.

- * Công suất định mức lên đến 380V (AC) hoặc 220V (DC);
- * Tiêu chuẩn: IEC/EN 60947-5-1
- * IP65;
- * Độ bền điện tử: 500 x 103 lần đối với loại đầu chìm & đầu nắm;
- * Nhiệt độ xung quanh: -5 ~ 400C
- * Nút: có kiểu Tức thời

Hình ảnh	Nút	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
	Lên/Xuống	NP3-1	248,400
	Lên/Xuống + On/OFF	NP3-1A	376,920
	Nút dừng khẩn, START, Lên/Xuống	NP3-1K	454,680
	Lên/Xuống, Trái/Phải	NP3-2	367,200
	ON/OFF, Lên/Xuống, Trái/Phải	NP3-2A	509,760
	Nút dừng khẩn, START, Lên/Xuống, Trái/Phải	NP3-2K	626,400
	Lên/Xuống, Trái/Phải, Trước/Sau	NP3-3	502,200
	ON/OFF, Lên/Xuống, Trái/Phải, Trước/Sau	NP3-3A	641,520
	Lên/Xuống, Trái/Phải, Trước/Sau, Thuận/Nghịch	NP3-4	627,480
	Lên/Xuống, Trái/Phải, Trước/Sau, Thuận/Nghịch, Nhanh/Chậm	NP3-5	773,280

NJYB3 Series Rò le bảo vệ điện áp

- * NJYB3 rò le chức năng bảo vệ quá áp, thấp áp, mất pha, thứ tự pha, cân bằng pha;
- * Điện áp hoạt động: Hệ thống 3 pha 3 dây: AC380V~AC415V 50Hz;
Hệ thống 3 pha 4 dây: AC220V~AC240V 50Hz;
- * Chức năng bảo vệ: quá áp, thấp áp, mất pha, thứ tự pha, cân bằng pha;
- * Phù hợp tiêu chuẩn: IEC/EN 60947-4-1;
- * Chứng nhận: CE;



Chức năng	Điện áp	Hệ thống	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
Quá áp, thấp áp, mất pha	AC220V	3 pha 3 dây	NJYB3-8 AC220V	822,960
	AC380V	3 pha 3 dây	NJYB3-8 AC380V	822,960
	AC220V	3 pha 4 dây	NJYB3-11 AC220V	822,960

XJ3 Series Rò le bảo vệ điện áp

- *G: Bảo vệ mất pha, thứ tự pha, cân bằng pha (cố định);
- *D: Bảo vệ quá áp, thấp áp, mất pha, thứ tự pha (Có thể chỉnh thông số);



Chức năng	Điện áp	Hệ thống	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
D	AC380V	3 pha 3 dây	XJ3-D AC380V	1,051,920
G	AC380V	3 pha 3 dây	XJ3-G AC380V	531,360

Relay báo mực nước

	Tiếp điểm	Điện áp	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
	Ue:220V Ie: 1.5A	AC220V	JYB-714C AC220V	480,600
		AC220V	NJYW1-BL2 AC220V	1,357,560

JSZ3 Series Timer ON delay

* Phù hợp tiêu chuẩn: IEC/EN 60947-4-1;

* Chứng nhận: CE;

Ngưỡng thời gian	Loại	Điện áp	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
(0.05-0.5)s/5s/30s/3min	A	DC24V	JSZ3A-A DC24V	546,480
	A	AC220V	JSZ3A-A AC220V	546,480
	A	AC380V	JSZ3A-A AC380V	546,480
(0.1-1)s/10s/60s/6min	B	DC24V	JSZ3A-B DC24V	546,480
	B	AC220V	JSZ3A-B AC220V	546,480
	B	AC380V	JSZ3A-B AC380V	546,480
(0.5-5)s/50s/5min/30min	C	DC24V	JSZ3A-C DC24V	546,480
	C	AC220V	JSZ3A-C AC220V	546,480
	C	AC380V	JSZ3A-C AC380V	546,480
(1-10)s/100s/10min/60min	D	DC24V	JSZ3A-D DC24V	546,480
	D	AC220V	JSZ3A-D AC220V	546,480
	D	AC380V	JSZ3A-D AC380V	546,480
(5-60)s/10min/60min/6h	E	DC24V	JSZ3A-E DC24V	546,480
	E	AC220V	JSZ3A-E AC220V	546,480
	E	AC380V	JSZ3A-E AC380V	546,480
(0.25-2)min/2min/2h/12h	F	DC24V	JSZ3A-F DC24V	546,480
	F	AC220V	JSZ3A-F AC220V	546,480
	F	AC380V	JSZ3A-F AC380V	546,480
(0.5-4)min/40min/4h/24h	G	DC24V	JSZ3A-G DC24V	546,480
	G	AC220V	JSZ3A-G AC220V	546,480
	G	AC380V	JSZ3A-G AC380V	546,480

JSZ3 Series Timer Sao - Tam giác

Hình ảnh	Loại	Điện áp	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
	10s	AC220V	JSZ3Y 10s AC220V	565,920
		AC380V	JSZ3Y 10s AC380V	565,920
	30s	AC220V	JSZ3Y 30s AC220V	771,120
		AC380V	JSZ3Y 30s AC380V	565,920
	60s	AC220V	JSZ3Y 60s AC220V	565,920
		AC380V	JSZ3Y 60s AC380V	771,120
	180s	AC220V	JSZ3Y 180s AC220V	565,920
		AC380V	JSZ3Y 180s AC380V	565,920

Đế Timer

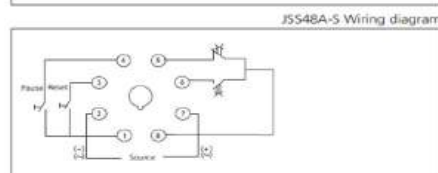
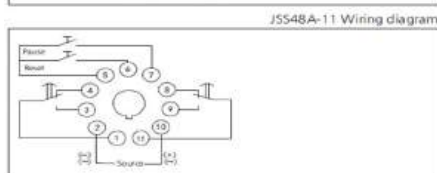
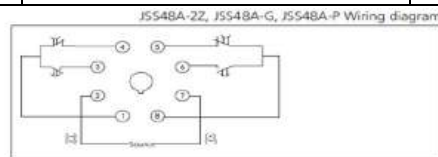
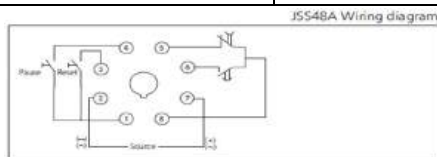
	Lắp cho Timer	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
	JSS48A-S / JSS48A-2Z	CZS08C	82,080
	JSZ3A - * / JSZ3Y / JSZ3F	CZS08X-E	68,040

JSZ3 Series Timer OFF delay

Hình ảnh	Loại	Điện áp	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
	1s	AC220V	JSZ3F 1s AC220V	707,400
		AC380V	JSZ3F 1s AC380V	707,400
		DC24V	JSZ3F 1s DC24V	707,400
	5s	AC220V	JSZ3F 5s AC220V	707,400
		AC380V	JSZ3F 5s AC380V	707,400
		DC24V	JSZ3F 5s DC24V	707,400
	10s	AC220V	JSZ3F 10s AC220V	707,400
		AC380V	JSZ3F 10s AC380V	707,400
		DC24V	JSZ3F 10s DC24V	707,400
	30s	AC220V	JSZ3F 30s AC220V	707,400
		AC380V	JSZ3F 30s AC380V	707,400
		DC24V	JSZ3F 30s DC24V	707,400
	60s	AC220V	JSZ3F 60s AC220V	707,400
		AC380V	JSZ3F 60s AC380V	707,400
		DC24V	JSZ3F 60s DC24V	707,400
	2min	AC220V	JSZ3F 2min AC220V	707,400
		DC24V	JSZ3F 2min DC24V	707,400
	3min	AC220V	JSZ3F 3min AC220V	707,400
		AC380V	JSZ3F 3min AC380V	707,400
		DC24V	JSZ3F 3min DC24V	707,400

JSS48A Series

Hình ảnh	Điện áp	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
	AC/DC24V-48V	JSS48A AC/DC24V-48V	1,351,080
	AC/DC100V-240V	JSS48A AC/DC100V-240V	1,351,080
	AC380V	JSS48A AC380V	1,351,080
	AC/DC24V-48V	JSS48A-11 AC/DC24V-48V	1,351,080
	AC380V	JSS48A-11 AC380V	1,351,080
	AC/DC24V-48V	JSS48A-2Z AC/DC24V-48V	1,351,080
	AC/DC100V-240V	JSS48A-2Z AC/DC100V-240V	1,351,080
	AC380V	JSS48A-2Z AC380V	1,351,080
	AC220V	JSS48A-S AC220V	1,479,600
	AC380V	JSS48A-S AC380V	1,479,600



NKG3 Series Công tắc thời gian 24h & 24h/7

* Điện áp ngõ vào: AC220V 50Hz;

* Chứng nhận: CE;

* Loại tiếp điểm: relay;

	Loại	Điện áp	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
	24h	AC220V	NKG3-M 16-ON 16-OFF AC230V	1,245,240
	24h/7	AC220V	NKG3 16-ON 16-OFF AC220V	1,240,920

KG316T Series Công tắc thời gian 24/7

* Điện áp ngõ vào: AC220V 50Hz;

* Loại tiếp điểm: có điện áp AC220V;

	Loại	Điện áp	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
	24h/7	AC220V	KG316T AC220V	764,640
	24h/7 (Gắn thanh Ray)	AC220V	NKG1 AC220V	1,077,840

NDK Series Biến áp cách ly

- * Công suất: 25-5000VA;
- * Điện áp đầu vào: 415/380/220VAC - 50/60Hz;
- * Điện áp ngõ ra: 12; 24; 48; 110; 220VAC;
- * Phù hợp tiêu chuẩn: IEC/EN 61558;

Hình ảnh	Công suất	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
	25VA	NDK-25VA IEC	687,960
	50VA	NDK-50VA IEC	902,880
	100VA	NDK-100VA IEC	1,217,160
	150VA	NDK-150VA IEC	1,759,320
	200VA	NDK-200VA IEC	2,135,160
	250VA	NDK-250VA IEC	2,437,560
	300VA	NDK-300VA IEC	2,871,720
	400VA	NDK-400VA IEC	3,869,640
	500VA	NDK-500VA IEC	3,598,560
	700VA	NDK-700VA IEC	5,281,200
	1000VA	NDK-1000VA IEC	6,291,000
	1500VA	NDK-1500VA IEC	13,006,440
	2000VA	NDK-2000VA IEC	14,415,840
	3000VA	NDK-3000VA IEC	15,678,360
	4000VA	NDK-4000VA IEC	20,529,720
	5000VA	NDK-5000VA IEC	23,555,880

Relay bảo vệ động cơ JD-5

Hình ảnh	Điện áp	Dải dòng	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
	AC220V	0.5A-5A	JD-5 0.5A-5A AC220V	835,920
	AC380V	0.5A-5A	JD-5 0.5A-5A AC380V	835,920
	AC220V	2A-20A	JD-5 2A-20A AC220V	835,920
	AC380V	2A-20A	JD-5 2A-20A AC380V	835,920
	AC220V	20A-80A	JD-5 20A-80A AC220V	835,920
	AC380V	20A-80A	JD-5 20A-80A AC380V	835,920
	AC220V	80A-200A	JD-5 80A-200A AC220V	1,092,960
	AC380V	80A-200A	JD-5 80A-200A AC380V	1,092,960
	AC220V	160A-400A	JD-5 160A-400A AC220V	1,092,960
	AC380V	160A-400A	JD-5 160A-400A AC380V	1,092,960
	AC220V	1A-80A	JD-5 1A-80A AC220V(with buzzer)	835,920

YBLX Series Công tắc hành trình			
Hình ảnh	Kiểu tác động	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
	Dạng cần gạt con lăn	YBLX-ME/8104	294,840
	Dạng cần gạt nhỏ có thể điều chỉnh được	YBLX-ME/8107	324,000
	Dạng cần gạt con lăn điều chỉnh được	YBLX-ME/8108	329,400
	Dạng pitong đầu bi	YBLX-ME/8111	234,360
	Dạng pitong con lăn dọc	YBLX-ME/8112	254,880
	Dạng cần lò xo	YBLX-ME/8169	237,600
	Dạng cần con lăn	YBLX-WL/CA2	492,480
	Dạng cần gạt con lăn điều chỉnh được	YBLX-WL/CA12	603,720
	Dạng pitong con lăn	YBLX-WL/D2 90°	448,200
	Dạng cần gạt lò xo	YBLX-WL/NJ	461,160
	Dạng cần dài có thể chỉnh được	YBLX-WL/CL	494,640
	Dạng nút nhấn bi nhỏ	YBLXW-5/11Z	77,760
	Dạng gắn tủ điện	YBLXW-5/11M	123,120
	Dạng con lăn dọc	YBLXW-5/11Q1	149,040
	Dạng con lăn ngang	YBLXW-5/11Q2	149,040
	Dạng đòn bẩy siêu dài	YBLXW-5/11N1	86,400
	Dạng đòn bẩy ngắn	YBLXW-5/11N2	81,000
	Dạng con lăn đòn bẩy dài	YBLXW-5/11G1	89,640
	Dạng con lăn đòn bẩy ngắn	YBLXW-5/11G2	89,640
	Dạng con lăn đòn bẩy vừa	YBLXW-5/11G3	89,640
	Dạng pitong	YBLXW-6/11BZ	220,320
	Dạng pitong	YBLXW-6/11CA	209,520
	Dạng đòn bẩy dài	YBLXW-6/11CG	213,840
	Dạng đòn bẩy ngắn	YBLXW-6/11DG	163,080
	Dạng con lăn đòn bẩy vừa	YBLXW-6/11CL	172,800
	Dạng con lăn đòn bẩy ngắn	YBLXW-6/11DL	170,640
	Dạng pitong con lăn nằm ngang	YBLXW-6/11HL	228,960
	Dạng pitong con lăn nằm dọc	YBLXW-6/11ZL	228,960
	Dạng cần lò xo đầu nhựa	YBLXW-6/11W2	203,040

